

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CON CUÔNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 4 – 2021 V/v Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly
hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Khắc Hùng;
2. Ông Lê Thanh Hiền;

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Con Cuông – tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 119/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N – Sinh năm 1983. Có mặt.

Nơi đăng ký NKTT: Bản Bạch S, xã Cam L, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú hiện nay: Bản X, xã Lục D, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh Vi Văn K – Sinh năm 1979. Có mặt.

Địa chỉ: Bản Bạch S, xã Cam L, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Ng, chức vụ: Phó giám đốc – Phòng giao dịch Ngân hàng chính xã hội huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 31/8/2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày: giữa chị và bị đơn anh Vi Văn K kết hôn với nhau vào ngày 20/8/2012 tại UBND xã Cam L, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm về điều kiện và thủ tục kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã xúc phạm, đánh đập nhau. Nguyên nhân do anh K cờ bạc, rượu chè bê tha, không tu chí làm ăn, không chăm lo cho gia đình. Việc mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình nội ngoại và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần, nhưng sau mỗi lần hòa giải tình cảm vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng. Vì vậy mà từ tháng 3/2020 cho đến nay hai vợ chồng chị không còn sống chung với nhau nữa. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Văn K.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có hai người con chung tên là Vi Thị Khánh L, sinh ngày 12/12/2009 và Vi Tuấn T, sinh ngày 07/5/2018. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị thỏa thuận tự chia, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hiện nay vợ chồng chị đang nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Con Cuông số tiền 21.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi chị không biết là bao nhiêu. Nếu ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số nợ mỗi người trả một nửa.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vi Văn K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với chị N về thời gian, điều kiện, nơi đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, tình trạng hôn nhân của vợ chồng đúng như chị N trình bày. Nhưng không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh K nguyên nhân là do chị N đi làm ăn không chịu về nhà, bỏ bê, không quan tâm chăm sóc gia đình. Vì vậy mà từ đầu năm 2020 cho đến nay vợ chồng anh không còn

sống chung với nhau nữa. Anh thấy tình cảm vợ chồng là không còn, nhưng chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh không đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có hai người con chung như chị N đã trình bày. Nếu ly hôn anh cũng có nguyện vọng được nuôi cả hai con và yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/một người con.

- Về tài sản chung: Anh và chị Hoàng Thị N thỏa thuận tự chia không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng anh đang nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Con Cuông số tiền 21.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi anh không biết chính xác tiền lãi là bao nhiêu. Nếu chị N đồng ý ra đi tay trắng thì anh chấp nhận trả toàn bộ số tiền nợ trên cho Ngân hàng. Nếu chị N không chấp nhận yêu cầu của anh là ra đi tay trắng thì anh yêu cầu Tòa án buộc chị N phải trả số nợ trên cho Ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/12/2020, cháu Vi Thị Khánh L có nguyện vọng được ở với chị Hoàng Thị N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Vợ chồng anh Vi Văn K và chị Hoàng Thị N có vay của ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Chi nhánh phòng giao dịch huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An số tiền là 25.000.000 đồng, mục đích để làm nhà ở. Trong hợp đồng vay có nêu anh Vi Văn K là người vay, chị Hoàng Thị N là người thừa kế. Người vay và người thừa kế có trách nhiệm như nhau trong việc trả nợ cho Ngân hàng. Dư nợ tiền gốc tính đến ngày 16/4/2021 là 21.000.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày 15/4/2021 là 46.602 đồng. Vì vậy yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh K và chị N phải trả hết nợ gốc và lãi, lãi phát sinh thêm cho Ngân hàng kể từ ngày 16/4/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N, buộc chị Hoàng Thị N và anh Vi Văn K chấm dứt quan hệ vợ chồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật; Về con: giao hai con chung Vi Thị Khánh L, sinh ngày 12/12/2009 và Vi Tuấn T, sinh ngày 07/5/2018 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Vi Văn K; Về tài sản: chị N và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét; Về nghĩa vụ tài sản chung: Buộc chị N và anh K phải trả nợ cho Ngân hàng mỗi người 10.523.301 đồng; Về án phí: chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn: bị đơn hiện cư trú tại Bản Bạch S, xã Cam L, huyện Con Cuông nên Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chưa thành niên khi ly hôn nên theo quy định, Tòa án xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp tại UBND xã Cam L, huyện Con Cuông là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét chị Hoàng Thị N và anh Vi Văn K đăng ký kết hôn ngày 20/8/2012 tại UBND xã Cam L, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh K là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, Theo chị N, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K cờ bạc, rượu chè bê tha, không tu chí làm ăn, không chăm lo cho gia đình, chị đã nhiều lần chị khuyên anh từ bỏ những thói hư tật xấu, tu chí làm ăn nhưng anh không chịu thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh K cho rằng, nguyên nhân do

chị N đi làm ăn không chịu về nhà, bỏ bê chồng con, không quan tâm chăm sóc gia đình. Mặc dù các đương sự không thống nhất với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng đều xác nhận không còn tình cảm, vì vậy mà từ đầu năm 2020 cho đến nay hai vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa. Như vậy, chị N và anh K đã vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng, không sống chung với nhau mà không có lý do chính đáng.

Xét thấy, giữa chị N và anh K mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Vi Văn K.

Về con chung: Chị N và anh K có hai người con chung là Vi Thị Khánh L, sinh ngày 12/12/2009 và Vi Tuấn T, sinh ngày 07/5/2018, hiện nay cả hai con đang do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, anh K có nguyện vọng được nuôi cả hai con và yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/một người con.

Xét thấy khi cha, mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về vật chất và tinh thần. Như vậy nguyện vọng của chị N và anh K là chính đáng, thể hiện tinh thần và trách nhiệm của cha mẹ dành cho con. Nhưng xem xét về điều kiện nuôi con thấy rằng: hiện nay cháu Vi Tuấn T đang còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, chị N và anh K không có thoả thuận khác nên cháu Vi Tuấn T sẽ do chị N trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xem xét về tranh chấp quyền trực tiếp nuôi con chung Vi Thị Khánh L, sinh ngày 12/12/2009: căn cứ lời trình bày của các đương sự về điều kiện nuôi con chưa thành niên, đối chiếu vào các tài liệu mà Tòa án đã thu thập được như các biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân tại UBND xã Cam L, Ban công an xã Cam L, Bản sao kê tài khoản ngày 01/01/2020 của chị Hoàng Thị N có sự xác thực của Ngân hàng TNHH một thành viên SHIHAN Việt Nam chi nhánh Thái Nguyên thì có thể thấy: chị N hiện đang sống nhờ tại nhà bố mẹ đẻ, hiện là công nhân Công ty TNHH SamSung EElectro – Mechanics Viet Nam, thu nhập ổn định với mức lương trung bình là 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng mỗi tháng. Anh K trình bày hiện anh làm Công nhân cho Công ty ngoài Thái Nguyên có nguồn thu nhập từ

Lương khoảng 8.800.000 đồng/tháng nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Như vậy, có thể thấy, điều kiện nuôi con của các đương sự có sự chênh lệch nhau. Mặt khác tại biên bản lấy lời khai ngày 31/12/2020 và tại phiên tòa cháu Ly có nguyện vọng được ở với chị N do anh K không quan tâm chăm sóc cho cháu, thường xuyên đe dọa, đánh đập cháu, ở với mẹ cháu được chăm sóc nuôi dưỡng đầy đủ, hơn nữa cháu cháu Ly hiện đang sinh sống ổn định với chị N, lại là con gái cần sự chăm sóc và nuôi dưỡng của người mẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận giao con chung Vi Thị Khánh L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Vi Văn K.

Về tài sản chung: Do các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Vợ chồng anh Vi Văn K và chị Hoàng Thị N hiện nay còn nợ ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Chi nhánh phòng giao dịch huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An số tiền gốc tính đến ngày 16/4/2021 là 21.000.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày 15/4/2021 là 46.602 đồng. Quá trình giải quyết vụ án chị N yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số nợ trên mỗi người trả một nửa. Anh K yêu cầu nếu chị N đồng ý ra đi tay trắng thì anh chấp nhận trả toàn bộ số tiền nợ trên cho Ngân hàng, nếu chị N không chấp nhận yêu cầu của anh thì anh yêu cầu Tòa án buộc chị N phải trả số nợ đó. Xét thấy, tại hợp đồng vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 16/6/2017 có nêu anh K là người vay, chị N là người thừa kế. Người vay và người thừa kế có trách nhiệm như nhau trong việc trả nợ. Như vậy đây là khoản nợ chung của vợ chồng, cả hai bên không thống nhất được phương thức trả nợ nên cần buộc chị N và anh K phải chịu trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng.

Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 275, Điều 280, Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 và Điều 227, 228 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Vi Văn K.

- Về con chung: Giao con chung Vi Thị Khánh L, sinh ngày 12/02/2009 và Vi Tuấn T, sinh ngày 07/5/2018 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Vi Văn K do chị Hoàng Thị N không yêu cầu.

Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu anh K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về nợ chung:

Buộc chị Hoàn Thị N có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – chi nhánh phòng giao dịch Ngân hàng chính xã hội huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An số tiền 10.523.301 đồng (mười triệu năm trăm hai mươi ba nghìn ba trăm linh một đồng) và tiền lãi phát sinh thêm kể từ ngày 16/4/2021 cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 16/6/2017.

Buộc anh Vi Văn K có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – chi nhánh phòng giao dịch Ngân hàng chính xã hội huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An số tiền 10.523.301 đồng (mười triệu năm trăm hai mươi ba nghìn ba trăm linh một đồng) và tiền lãi phát sinh thêm kể từ ngày 16/4/2021 theo hợp đồng vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 16/6/2017.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0002288 ngày 13 tháng 10 năm 2020.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa

vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Con Cuông;
- Chi cục THADS H. Con Cuông;
- UBND xã Cam L;
- Lưu Hồ sơ, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Hồng Lợi

